

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HC-ST**
Ngày 27 - 8 - 2021
V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tấn Sinh
2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2021/TLST-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-HC, ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông D, sinh năm 1970 và bà B, sinh năm 1972; cư trú tại: thôn C, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân xã B; địa chỉ: xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn N. Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; địa chỉ: xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2021, lời trình bày tại bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày như sau:

Vào ngày 07/7/2020, vợ chồng ông bà có nộp 05 bộ hồ sơ đến UBND xã B, huyện BS để làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cụ thể gồm hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất có nguồn gốc như sau:

+ Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 7 xã B, diện tích đăng ký kê khai là 5.976m², loại đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc và quá trình sử dụng: Đất do cha, mẹ ông D khai hoang từ năm 1980, đến năm 1993 cha mẹ để lại cho vợ chồng ông, bà, vợ chồng ông bà tiếp tục khai hoang để trồng cây và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp;

+ Thửa đất số 1182, tờ bản đồ số 19 xã B, diện tích đăng ký kê khai là 17.831m², loại đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc và quá trình sử dụng: Đất do cha, mẹ ông D khai hoang từ năm 1980, đến năm 1993 cha mẹ để lại cho vợ chồng ông, bà, vợ chồng ông bà tiếp tục khai hoang thửa đất liền kề để trồng cây và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp;

+ Thửa đất số 637, tờ bản đồ số 7 xã B, diện tích đăng ký kê khai là 10.466m², loại đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc và quá trình sử dụng: Đất do UBND xã B giao cho vợ chồng ông bà từ tháng 9 năm 1995 để trồng cây và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp;

+ Thửa đất số 1106, tờ bản đồ số 19 xã B, diện tích đăng ký kê khai là 10.281m², loại đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc và quá trình sử dụng: Đất do UBND xã B giao cho vợ chồng ông bà từ tháng 9 năm 1995 để trồng cây và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp;

+ Thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 19 xã B, diện tích đăng ký kê khai là 8.231m², loại đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc và quá trình sử dụng: Đất do UBND xã B giao cho vợ chồng ông bà từ tháng 9 năm 1995 để trồng cây và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, không tranh chấp;

Việc ông bà nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến ngày 31/8/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã B. Đến ngày 21/09/2020, ông bà nhận được Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B (viết tắt là Thông báo số 97/TB-UBND), về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, vợ là bà B; hiện cư trú tại: Thôn C, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nhận được Thông báo số 97/TB-UBND, ngày 23/11/2020, ông bà có đơn khiếu nại Thông báo số 97/TB-UBND.

Ngày 17/03/2021, ông bà nhận được Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch UBND xã B, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông D, vợ là bà B ở thôn C, xã B (sau đây viết tắt là Quyết định số 101/QĐ-UBND), về việc bác nội dung đơn khiếu nại ngày 23/11/2020 của ông D và bà B, địa chỉ thường trú: Thôn C, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông bà thấy rằng, Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B và Quyết định số 101/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã B là trái quy định của pháp luật, thiếu trách nhiệm dẫn đến xử lý vụ việc không đúng pháp luật, cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông bà với các lý do cụ thể như sau:

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà là đủ điều kiện để UBND xã B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Thông báo số 97/TB-UBND không nêu rõ tạm dừng đến thời gian nào, nội dung này là Chủ tịch UBND xã gây khó khăn, sách nhiễu đối với ông bà, kéo dài thời gian đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu không có thời hạn, từ ngày thông báo 17/9/2020 đến ngày 23/11/2020 đã quá lâu nhưng UBND xã B không có hướng giải quyết vụ việc.

- Theo Thông số 97/TB-UBND: *“Từ những lý do trên, căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, UBND xã tạm dừng 05 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, vợ là bà B...”*. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ không có quy định điểm c nhưng UBND xã căn cứ để làm lý do dừng hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà là trái pháp luật.

- + Quyết định số 101/QĐ-UBND là cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin mà tôi đã cung cấp, đó là: Đơn xin giao đất lâm nghiệp với diện tích 5ha đã được Trưởng thôn C, UBND xã B ký thống nhất ngày 09/8/2004; Đơn đăng ký trồng rừng ngày 27/02/2006 được Trưởng thôn C, Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp I B, Chủ tịch UBND xã ký thống nhất; Đơn đề nghị xác nhận được Trạm khuyến nông huyện BS, Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư tỉnh Quảng Ngãi ký xác nhận; Biên bản họp gia đình để giao đất (thừa kế đất) đã được UBND xã ký thống nhất và một số giấy tờ liên quan khác đã gửi theo.

- + Quyết định số 101/QĐ-UBND cho rằng: *“Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 của Chủ tịch UBND huyện BS...”* là không đúng vì: Hồ sơ khai thác thí điểm dự án khai thác quặng khoáng sản thì tại biên bản xác định số lượng cây ngày 10/8/2012 có số lượng cây trồng và diện tích đất là 1.574m² tại một phần thửa đất số 599 và một phần thửa đất số 637, tờ bản đồ số 7 xã B có số lượng cây dương liễu nhỏ lớn là 225 cây. Ông bà chỉ nhận được Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của Chủ tịch UBND huyện BS về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông D ở thôn C, xã B với số tiền là 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Về phần nhận xét trong Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 là không đúng thực tế sai sự thật với lý do như sau:

+ Về phần xác minh những người ký trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư là do thôn trưởng thôn C họp để lấy ý kiến, trường hợp này Công chức Địa chính đã nhận đầy đủ hồ sơ của ông bà nhưng không có thông báo cho thôn trưởng thôn C, xã B để chủ trì họp những người dân sinh sống ở tại khu dân cư nơi có đất và biết rõ nguồn gốc đất. Việc UBND xã xác minh những người này vào các ngày 13/01/2021, ngày 18/01/2021 là sau khi Chủ tịch UBND xã B (ông H) ký ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020, về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, vợ là bà B là không có cơ sở pháp lý;

+ Phần nhận xét trong Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 nêu *“Căn cứ vào Điều 21, khoản 4 và Điều 70, khoản 2, điểm c của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ”* căn cứ này là trái pháp luật.

Này ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B, về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông B, vợ là bà B.

- Hủy bỏ Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch UBND xã B, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông D, vợ là bà B.

* Người bị kiện là UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng UBND xã B chỉ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà B.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người khởi kiện đã thực hiện đúng các quy định theo Luật tố tụng hành chính. Đối với người bị kiện đã không chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đối với văn bản số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B được ban hành không đúng thẩm quyền, không xác định thời hạn tạm dừng và căn cứ pháp lý để ban hành văn bản tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông D, bà B là không đúng pháp luật;

+ Đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B: Do văn bản số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 được ban hành không đúng thẩm quyền nên quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên văn bản số 97/TB-UBND là không đúng.

Vì những lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của người khởi kiện, tuyên hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông D, bà B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B, về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch UBND xã B, về việc bác nội dung đơn khiếu nại ngày 23/11/2020 của ông D và bà B. Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Thông báo 97/TB-UBND của UBND xã B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã B thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Ngày 21/09/2020, ông D, bà B nhận được Thông báo số 97/TB-UBND và có đơn khiếu nại Thông báo số 97/TB-UBND. Ngày 17/03/2021, ông D, bà B nhận Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch UBND xã B, cho rằng Quyết định này và Thông báo số 97/TB-UBND trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, bà B.

Ngày 01/4/2021, ông D, bà B nộp đơn trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Thông báo 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch UBND xã B là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 31, khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Thông báo 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành: Ông D, bà B nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất: Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 7 xã B, diện tích 5.976m²; thửa đất số 1182, tờ bản đồ số 19 xã B, diện tích 17.831m²; thửa đất số 637, tờ bản đồ số 7 xã B, 10.466m²; thửa đất số 1106, tờ bản đồ số 19 xã B, diện tích 10.281m²; thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 19 xã B,

diện tích 8.231m². UBND xã B đã tiếp nhận nhưng trong quá trình làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đất thì ngày 17/9/2020, Ủy ban nhân dân xã B ra Thông báo số 97/TB-UBND, về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền của D, bà B tại các thửa đất nêu trên với lý do UBND xã nhận được đơn kiến nghị, phản ánh của một số hộ dân chưa thống nhất việc lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà B đối với 05 thửa đất trên, với lý do: Nhân dân cho rằng trong diện tích đất kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 52,785m² của ông D có diện là đất của Nhà nước, vợ chồng ông D nhận cây giống của Nhà nước hỗ trợ về trồng trên diện tích trên là trái thẩm quyền, vì: *Theo quy định khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.... c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai xem xét đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký.*

Ngoài ra, văn bản số 97/TB-UBND thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận nhưng không xác định thời hạn tạm dừng là không đảm bảo tinh thần theo quy định tại khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[3.2] Về căn cứ pháp lý: Thông báo số 97/TB-UBND, ngày 17/9/2020 của UBND xã B căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để tạm dừng giải quyết đối với 05 hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, bà B. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ không có điểm c như văn bản số 97/TB-UBND đã viện dẫn. Do đó, việc UBND xã B ban hành Văn bản số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 là chưa phù hợp theo quy định của Luật đất đai và khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Như vậy, việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền của D, bà B tại Thông báo số 97/TB-UBND, ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã B là trái pháp luật.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B:

[4.1] Về thẩm quyền, hình thức: Căn cứ vào Điều 17 Luật khiếu nại 2011 thì Chủ tịch UBND xã B giải quyết khiếu nại lần đầu của ông D, bà B đối với Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của UBND xã B là đúng về thẩm quyền, về hình thức theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về thời hạn khiếu nại: Theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại 2011 thì thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Căn cứ vào tài liệu do ông D, bà B và UBND xã B cung cấp thì ông D, bà B khiếu nại văn bản số 97/TB-UBND theo đơn khiếu nại ghi ngày 23/11/2020, Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B căn cứ vào đơn khiếu nại của ông D, bà B ghi ngày 23/11/2020. Như vậy, từ ngày ban hành văn bản số 97/TB-UBND đến ngày ông D, bà B khiếu nại là trong thời hạn 90 ngày theo quy định của Luật khiếu nại.

[4.3] Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011 thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Theo quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã B, xác định đơn khiếu nại của ông D, bà B ghi ngày 23/11/2020; Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu vào ngày 03/12/2020 nhưng đến ngày 16/3/2021 mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Như vậy, Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông D, bà B là quá thời hạn theo quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại.

[4.4] Về căn cứ và nội dung ban hành:

[4.4.1] Về căn cứ pháp lý: Chủ tịch UBND xã B căn cứ vào: Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ nhưng không nêu rõ Điều, khoản của văn bản pháp luật áp dụng là chưa đầy đủ.

[4.4.2] Về căn cứ thực tế và nội dung: Các thửa đất ông D, bà B lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đơn thư khiếu nại, phản ánh của người dân, cho rằng các thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc quản lý của nhà nước, không thống nhất với việc đề nghị cấp giấy chứng nhận cho ông D, bà B. Trong trường hợp này, lẽ ra UBND xã phải thực hiện các công việc và báo cáo kết quả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xem xét đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cho ông D, bà B. Tuy nhiên, UBND xã B thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông D, bà B là trái pháp luật.

Vì thông báo số 97/TB-UBND, ngày 19/7/2020 của UBND xã B ban hành không đúng thẩm quyền nên việc Chủ tịch UBND xã B bác nội dung đơn khiếu nại của ông D, bà B, giữ nguyên nội dung Thông báo số 97/TB-UBND, ngày 19/7/2020 là không đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, việc ông D, bà B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 97/TB-UBND, ngày 17/9/2020 của UBND xã B và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 101/QĐ-UBND, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hành chính sơ thẩm:

[6.1] Buộc UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, mỗi cơ quan, người có thẩm quyền phải chịu án phí hành chính sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6.2] Hoàn trả lại cho ông D, bà B số tiền 300.000 đồng mà ông, bà đã nộp tạm ứng.

[7] Chi phí tố tụng: Ông D, bà B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng và đã chi phí xong. UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, mỗi cơ quan, người có thẩm quyền phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Buộc UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, mỗi cơ quan, người có thẩm quyền có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông D, bà B số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, Điều 191, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206; Điều 213, Điều 348, Điều 358 và Điều 359 Luật tổ tụng Hành chính;

- Căn cứ Điều 101, Điều 203 và Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Căn cứ các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 17, Điều 28, Điều 31, Điều 33 Luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà B.

1.1. Hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã B, về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông D, vợ là bà B; hiện cư trú tại: Thôn C, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Hủy Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông D, vợ là bà B ở thôn C, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

2.1. Buộc UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, mỗi cơ quan, người có thẩm quyền phải chịu án phí hành chính sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho ông D, bà B số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông, bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003641, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

3. Chi phí tố tụng: Ông D, bà B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng. Buộc UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, mỗi cơ quan, người có thẩm quyền có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông D, bà B số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Án xử công khai có mặt người khởi kiện, vắng mặt người bị kiện. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2021).

5. Riêng người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở người bị kiện.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đình Chung

